

Bản án số: 262/2020/DS-PT

Ngày 27 – 7 – 2020

V/v tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 250/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1061/2020/QĐ-PT ngày 16/6/2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mã Thị C, sinh năm 1960; địa chỉ: 430 ấp BA, xã BK, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 17/7/2014): Bà Thái Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: 480/2 HNL, Khu phố 1, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*);

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1937 (*vắng mặt*);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị B: Ông Nguyễn Ngọc T - Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH một thành viên Việt Thanh, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*);

2. Bà Trương Thị Đ, chết năm 2019 (bà *Phạm Thị B* là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng);

3. Ông Trương Văn C1, sinh năm 1970 (*có mặt*);
4. Bà Trương Thị H, sinh năm 1975 (*vắng mặt*);
5. Bà Trương Thị L, sinh năm 1964 (*vắng mặt*);
6. Bà Trương Thị N, sinh năm 1973 (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: 15/1 (số mới 520) đường NB, Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, bà L, bà N, bà H (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2019): Ông Trương Văn C1; địa chỉ: 15/1 (số mới 520, đường NB, Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trang Văn Mười H1, sinh năm 1972 (*vắng mặt*);
2. Ông Trang Minh L1, sinh năm 1992 (*vắng mặt*);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hai, ông Lâm (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2019): Ông Trương Văn C1; địa chỉ: 15/1 (số mới 520) đường NB, Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

3. Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1970, địa chỉ: 15/1 (số mới S20) đường NB, Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*);

4. Ông Trương Văn Đ1, sinh năm 1965 (*có mặt*);
5. Ông Trương Văn O, sinh năm 1957 (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: 12/3 Ấp 1, xã PX, huyện NB, TP. Hồ Chí Minh.

6. Bà Trương Thị C2, sinh năm 1967; địa chỉ: 09 ADT – 77185 Lognes – France (*vắng mặt*);

Người đại diện theo ủy quyền của bà C2 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 04/4/2014): Bà Trương Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: 15/1 (số mới 520) đường NB Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- Người kháng cáo:

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mã Thị C là bà Thái Thị M.

+ Bị đơn bà Phạm Thị B.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Mã Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bà C là bà Thái Thị M trình bày:*

Sinh thời cụ Trương Văn Ch (Ch) và cụ Mã Thị Nh (Nh) có tạo lập được khối tài sản là diện tích đất 613,54m² tọa lạc tại số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB (nay là 520 đường NB Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Ch và bà Nh có hai người con là bà Mã Thị C và ông Trương Văn B1. Năm 1972 bà Nh mất, năm

1998 Ông Ch mất đều không để lại di chúc. Tài sản hiện nay do phía gia đình bà Phạm Thị B (vợ của ông B1) quản lý sử dụng. Nhận thấy quyền lợi của nguyên đơn bị ảnh hưởng, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia một nửa nhà đất tại số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB (nay là 520 đường NB Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh) cho nguyên đơn.

Ngày 22/11/2007 và ngày 14/10/2015, bà Mã Thị C nộp đơn khởi kiện bổ sung với nội dung yêu cầu Tòa tiếp tục chia thừa kế các tài sản sau của cụ Ch và cụ Nh gồm:

- + Tiền đền bù giải tỏa một phần nhà đất tại số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB với số tiền là 13.183.500 đồng.

- + Tiền đền bù giải tỏa phần đất diện tích 3.142,5m² tọa lạc tại ấp PL, xã PK, huyện NB với số tiền là 86.562.500 đồng.

- + Căn nhà đất số 12/3 ấp 1 xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04/01/2013 và ngày 13/12/2017 bà Mã Thị C đã nộp đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C có người đại diện theo ủy quyền xác định lại yêu cầu khởi kiện gồm có:

Yêu cầu chia thừa kế căn nhà 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 613,54m² (theo Bản đồ hiện trạng của Công ty TNHH đo đạc Kiến Ốc lập ngày 10/05/2007) thành hai phần, nguyên đơn yêu cầu được nhận một phần bằng hiện vật, không yêu cầu chia giá trị phần nhà xây trên đất.

Nguyên đơn xin giữ lại yêu cầu khởi kiện bổ sung đã rút gồm:

- + Tiền đền bù giải tỏa một phần nhà đất tại số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB với số tiền là 13.183.500 đồng.

- + Tiền đền bù giải tỏa phần đất diện tích 3.142,5m² tọa lạc tại ấp PL, xã PK, huyện NB với số tiền là 86.562.500 đồng;

Tất cả số tiền trên yêu cầu tính trượt giá theo luật định.

- Ông Trương Văn C1 là bị đơn và là đại diện theo ủy quyền của các bị đơn bà Phạm Thị B, Trương Thị H, Trương Thị L, Trương Thị N trình bày:

Sinh thời cụ Trương Văn Ch và cụ Mã Thị Nh có tạo lập được khối tài sản là diện tích đất 108m² trong tổng số 613,54m² tọa lạc tại 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB (nay là 520 đường NB Ấp 1, xã PX, huyện NB), Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ch và bà Nh có ba người con là bà Mã Thị C, ông Trương Văn B1 (chết 1997) và ông Trương Văn T1 (chết 1967). Năm 1972 bà Nh mất, năm 1998 Ông Ch mất đều không để lại di chúc.

Trước giải phóng, ông Trương Văn B1 và bà Phạm Thị B cùng các con dọn về ở chung với ông Trương Văn Ch và bà Mã Thị Nh tại nhà số 15/1 (nay là 520) NB, xã PX, huyện NB. Ông B1 và bà B có các con gồm: Trương Thị Đ (mất năm 2019), Trương Văn O, Trương Văn C1, Trương Thị N, Trương Thị H, Trương Thị C2 và Trương Thị L.

Khi ở chung với Ông Ch và bà Nh thì gia đình ông B1 tự lấy đất từ ruộng xã PK để bồi thêm đất tại vị trí đất gần phía sau nhà, tự bồi đất và tự xây nhà mỗi ngày một rộng thêm cho đến nay mới có tổng diện tích là 613,54m². Ông Trương Văn B1 lúc này đã 68 tuổi, già yếu rồi nên không thể đi khai thác thêm.

Năm 1997, Nhà nước mở đường NB nên lấy 33,4m² tại nhà số 15/1 và có đền bù số tiền 13.183.500 đồng. Số tiền này do ông Trương Văn Ch trực tiếp ký nhận lãnh, ông B1 và bà B không có nhận. Tổng diện tích đất do ông Trương Văn Ch và bà Mã Thị Nh để lại 108m² nay chỉ còn lại là 108 m² – 33,4 m² = 74,6m².

Theo thông tin tại sổ bộ của Ủy ban nhân dân xã PX cung cấp thì ông Trương Văn Ch, sinh năm 1913, trú tại 15/1 ấp 1 PX, huyện NB, kê khai diện tích 108m² tại thửa số 544 tờ 2 xã PX theo Chỉ thị số 299/TTg tại trang 139 Quyển số 1 mẫu 5B tờ số 7 xã PX – NB.

Theo thông tin do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện NB cung cấp cho thấy diện tích 527m² đất mà bà Phạm Thị B yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 333 và 334 tờ số 7 xã PX - NB có nguồn gốc không phải là đất của ông Trương Văn Ch mà là đất dời ấp chiến lược năm 1963.

Từ những căn cứ trên, các bị đơn đề nghị Tòa án xem xét và chia phần di sản của cụ Ch và cụ Nh để lại theo quy định của pháp luật, cụ thể chia diện tích đất 74,6m² làm ba phần mỗi phần là 24,8m² và quy ra tiền để gia đình bà B chi trả cho bà Mã Thị C và ông Trương Văn Đ1 (con của ông Trương Văn T1). Vì diện tích đất 24,8m² là quá nhỏ không đủ chuẩn để bà C xây nhà ở theo quy định của pháp luật và bà C cũng đã không ở đây từ năm 1978 đến nay. Hơn nữa, vị trí đất tranh chấp thể hiện ở vị trí nào trên khu đất không xác định được nên không có cơ sở để cắt đất trả cho bà C. Phần ông Trương Văn B1 được thừa kế của cha mẹ, các bị đơn yêu cầu chia chung cho các đồng thừa kế của ông B1.

Đối với yêu cầu chia tiền đền bù giải tỏa một phần đất của căn nhà 15/1 là 13.183.500 đồng thì bị đơn không chấp nhận, vì số tiền này dùng để cấp dưỡng, chi phí ma chay cho Ông Ch.

Đối với số tiền bồi thường giải tỏa đất nông nghiệp tại ấp PL, xã PK, huyện NB là 86.562.500 đồng, do đây không phải là di sản của Ông Ch để lại nên phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu này.

Ngày 7/7/2015, bị đơn Phạm Thị B có đơn phản tố nội dung như sau: Khoảng thời gian tháng 8/1980 ông Trương Văn Ch đã 68 tuổi, bị bệnh thường xuyên và sống một mình ở nhà nên ông Trương Văn B1, bà Phạm Thị B cùng các con dọn về nhà số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB sống cùng ông Trương Văn Ch để chăm sóc Ông Ch. Cuộc sống gia đình lúc đó cũng rất cơ cực, rất nghèo khó, lam lũ làm ruộng và là hộ nghèo trong xã. Cả gia đình từng xuống đất do ông B1 và các con đào lên bồi đắp bồi thêm để tăng diện tích đất và tăng thu nhập cho cả gia đình. Ông Ch bệnh, một tay con trai bà B và bà B sớm hôm tắm rửa, chăm sóc rất kỹ lưỡng, thức khuya để cho Ông Ch ăn uống ngủ nghỉ, thuốc men gần hơn chục năm cuối đời. Ông B1 chết trước Ông Ch một năm, nên khi Ông Ch mất, gia đình quyết định không nhận phúng điếu, số tiền ma chay khoảng 18.000.000 đồng. Trước đây lúc gia đình khó khăn cực khổ

vì mưu sinh và nuôi bệnh thì bà C không phụ một tay, chia sẻ khó nhọc. Mặt khác, bà B không biết phải có tranh chấp trong gia đình như hiện nay nên bà không có lưu chứng từ hóa đơn liên quan đến việc chăm sóc, ma chay cho Ông Ch. Bà B yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu phản tố như sau:

Tiền cấp dưỡng theo nghĩa vụ của bà C mà đáng ra bà C phải trực tiếp nuôi Ông Ch trong suốt 18 năm qua (1980-1998) là 32.000.000 đồng và tiền chi phí ma chay lúc Ông Ch mất là 18.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng. Bà B yêu cầu tính tiền lãi suất số tiền 50.000.000 đồng từ năm 1980 cho đến nay: $50.000.000 \text{ đồng} \times 5\%/\text{năm} \times 17 \text{ năm} (1998-2015) = 42.500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng: 92.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn giữ nguyên ý kiến đồng thời rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn O trình bày:

Nguồn gốc nhà và đất tại 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB là của ông bà nội là ông Trương Văn Ch (chết năm 1978) và bà Mã Thị Nh (chết không rõ năm). Khi ông bà nội mất chỉ để lại nhà diện tích 4x10m, xung quanh là vũng lầy. Khi chết Ông Ch và bà Nh không để lại di chúc. Trước đây bà C có ở trong phần đất này nhưng sau khi lấy chồng bà C không còn ở nữa. Chỉ còn lại gia đình ông O ở và quản lý phần đất này. Mọi việc tu bổ, sửa chữa, bồi đắp cho nhà và đất này là gia đình ông O làm hết. Ông Ch và bà Nh có các con gồm: Trương Văn L2 (chết khi còn nhỏ), Trương Văn T1 (chết không nhớ năm), Trương Thị B2 (chết khi còn nhỏ), Trương Thị T2 (chết khi còn nhỏ), Trương Văn U (chết khi còn nhỏ), bà Mã Thị C, Trương Văn B1.

Ông O không đồng ý chia thừa kế đối với phần đất này vì đất này gia đình ông O là người trực tiếp bỏ công ra để quản lý, tạo lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Đ1 trình bày:

Trước năm 1975, ông sử dụng tên Trương Anh T3, sau 1975 ông nhập hộ khẩu về nhà bác là ông Trương Văn B1 và lấy tên Trương Văn Đ1 để sử dụng giao dịch hằng ngày. Nguồn gốc đất tại 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB là của ông bà nội là ông Trương Văn Ch và bà Mã Thị Nh chết để lại. Hiện nay cha của ông Đ1 là ông Trương Văn T1 (chết năm 1967), mẹ là Nguyễn Thị Ch (chết 1968) có một mình ông là con. Tất cả những giấy tờ, giấy chứng tử của cha, mẹ ông đều bị mất và không thể tìm lại được. Đối với tranh chấp liên quan đến phần đất và nhà số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB ông không có yêu cầu và ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trang Văn Mười H1, ông Trang Minh L1 cùng ủy quyền cho ông Trương Văn C1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng V trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị C2 ủy quyền cho bà Trương Thị N trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 07/01/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 37, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu tính công sức nuôi dưỡng, ma chay cho ông Trương Văn Ch.

2. Đình chỉ yêu cầu bổ sung của nguyên đơn bà Mã Thị C về việc chia di sản là căn nhà 12/3 Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản thừa kế:

+ Xác định di sản thừa kế của ông Trương Văn Ch và bà Mã Thị Nh là nhà, đất tại 15/1 (Nay là số 520 NB) Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (chỉ chia thừa kế giá trị đất - Theo bản vẽ hiện trạng ngày 10/5/2007 do Công ty TNHH Đo đạc - Tư vấn Kiến Ốc lập ngày 10/05/2007).

+ Việc chia thừa kế cụ thể như sau:

Bà Mã Thị C được hưởng 4/10 giá trị phần đất tại 15/1 (nay là số 520 NB) Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm phát mãi đấu giá căn nhà nói trên (sau khi trừ giá trị xây dựng của căn nhà là 208.960.829 đồng).

Bà Phạm Thị B và các con của ông B1 và bà B gồm Trương Văn O, Trương Văn C1, Trương Thị N, Trương Thị H, Trương Thị C2, Trương Thị Liên được hưởng toàn bộ giá trị nhà đất còn lại của căn nhà nói trên.

Bà Phạm Thị B, các hàng thừa kế của ông B1, bà B và những người đang cư trú trong căn nhà có nghĩa vụ bàn giao căn nhà khi phát mãi bán đấu giá để thi thành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền của người được thi hành án và nghĩa vụ của người phải thi hành án; tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/01/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mã Thị C là bà Thái Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 20/01/2020, bị đơn bà Phạm Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật, với lý do: Việc nhận định, đánh giá chứng cứ chứng minh của Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan, không đúng quy định pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B

Ngày 20/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 1346/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm (Quyết định kháng nghị).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Mã Thị C, có người đại diện theo ủy quyền là bà Thái Thị M tham gia phiên tòa trình bày, xin rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 13.183.500 đồng đền bù giải tỏa một phần nhà đất tại số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB.

Bị đơn bà Phạm Thị B, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Văn C1 tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Luật sư Nguyễn Ngọc T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Tại Bản tự khai ngày 25/09/2002 của bà Mã Thị C xác định: “*ông Trương Anh T3 là con của anh ruột tôi Trương Văn T1*”. Giấy khai sinh của ông Trương Anh T3 thể hiện cha là ông Trương Văn T1. Bị đơn bà Phạm Thị B và các người liên quan đều xác nhận ông Trương Văn T1 là con của cụ Trương Văn Ch và cụ Mã Thị Nh. Bản thân ông Trương Anh T3 cũng xác định cụ Ch và cụ Nh là ông bà nội của mình và sau năm 1975 ông Tuấn về ở với ông B1 và lấy tên là Trương Văn Đ1. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 17/08/2017 của UBND xã PX cũng xác định có người tên Trương Văn T1 là con của cụ Ch và cụ Nh. Như vậy, nhiều khả năng ông Trương Văn T1 là con ruột của cụ Ch và cụ Nh. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng các biện pháp cần thiết để làm rõ vấn đề này mà đã vội vã kết luận theo lời khai cuối cùng của bà C không đồng ý ông Tư là con cụ Ch và cụ Nh là không khách quan, trái quy định pháp luật.

Đồng thời, việc thu thập chứng của Tòa án cấp sơ thẩm để xác định di sản thừa kế của cụ Ch và cụ Nh để lại cũng không đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được, cụ thể như sau:

Căn cứ theo Sổ mục kê xác định diện tích đất mà Ông Ch kê khai sử dụng là 108m² tại thửa đất số 544 tờ bản đồ số 2 ấp 1. Tài liệu lưu trữ xác định phần diện tích nhà, đất tại địa chỉ 15/1 ấp 1, xã PX, huyện NB này do bà Phạm Thị B kê khai quản lý, sử dụng. Năm 1997, Nhà nước mở đường NB thu hồi 33,4m² tại nhà số 15/1 ấp 1, xã PX. Tuy nhiên, tại Bản vẽ hiện trạng do Công ty Kiến Ốc lập ngày 10/05/2007 xác định nhà, đất địa chỉ 15/1 ấp 1, xã PX, huyện NB tọa lạc trên phần đất gồm các thửa 283, 284, 333, 334, 335, 336, 337 và rạch. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp ranh đất để xác định thửa đất 544 do Ông Ch kê khai và vị trí phần diện tích đất 33,4m² bị thu hồi có nằm trong phần diện tích Ông Ch kê khai hay không?

Chính vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị B và chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại đúng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của các đương sự là nguyên đơn bà Mã Thị C, bị đơn bà Phạm Thị B và Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án gồm các Biên bản làm việc V/v xác minh tranh chấp ngày 17/8/2017 và ngày 18/8/2017 của UBND xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh, Tờ khai gia đình ngày 01/3/1974 của ông Trương Văn Ch, Bản tự khai ngày 25/9/2007 của bà Mã Thị C, đủ cơ sở xác định ông Trương Văn T1 là con của Ông Ch và bà Nh. Ông Tư đã chết năm 1967, có 01 người con là ông Trương Văn Đ1, nên theo quy định của pháp luật về thừa kế thì ông Đ1 là người được hưởng di sản thừa kế của Ông Ch và bà Nh. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ông Tư là con của Ông Ch và bà Nh nên không chia thừa kế cho ông Đ1 là không đúng.

Mặt khác, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của Ông Ch và bà Nh là toàn bộ nhà, đất tại 15/1 (nay là số 520 NB) Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản vẽ hiện trạng ngày 10/5/2007 do Công ty TNHH Đo đạc - Tư vấn Kiến Ốc lập ngày 10/05/2007, là không đúng. Vì qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu thì có đủ cơ sở chấp nhận lời khai của phía bị đơn về việc có phần diện tích đất tăng thêm là do phía bị đơn khai phá. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị B và một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Mã Thị C, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quyết định kháng nghị số 1346/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Mã Thị C, do người đại diện theo ủy quyền của bà C thực hiện, và đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị B nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Mã Thị C, có người đại diện theo ủy quyền là bà Thái Thị M tham gia phiên tòa, xin rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền 13.183.500 đồng đền bù giải tỏa một phần nhà đất tại số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà nguyên đơn đã rút nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét yêu cầu kháng cáo còn lại tại phiên tòa phúc thẩm của nguyên đơn bà Mã Thị C, xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị B và

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên, như sau:

[1] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, đối với trường hợp ông Trương Văn T1, do bà Mã Thị C không thừa nhận ông Tư là con ông Trương Văn Ch và bà Mã Thị Nh, ngoài lời trình bày của phía bị đơn và xác minh tại UBND xã Phước Kiển thì không có tài liệu pháp lý của cơ quan có thẩm quyền nào khác xác nhận sự việc này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không có cơ sở xác định ông Tư là con của Ông Ch và bà Nh. Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định như trên là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, không đúng quy định pháp luật, cụ thể như sau:

[1.1] Tại Bản tự khai ngày 25/9/2007, bà Mã Thị C đã khai: *“Nguồn gốc đất tại số 15/1 ấp 1, xã PX, huyện NB là của cha tôi là Trương Văn Ch (chết năm 1998) và mẹ là Mã Thị Nh (chết năm 1972) tạo lập từ xưa đến nay. Sau khi mẹ tôi qua đời thì chỉ có tôi, cha tôi và cháu tôi Trương Anh T3 (con của anh ruột tôi Trương Văn T1) ở từ xưa đến lúc năm 1978 thì tôi theo chồng (vẫn thường xuyên đi đi về về với cha ruột và cháu ruột) ... Vậy hôm nay tôi đồng ý đưa cháu vào trong vụ kiện để được quyền lợi và nghĩa vụ của cháu ... Trương Anh T3 nay là Trương Văn Đ1”* (BL 118).

[1.2] Lời khai của bà C có nội dung thừa nhận ông Trương Văn T1 là con của Ông Ch, bà Nh và thừa nhận Trương Anh T3 nay là Trương Văn Đ1 là con của ông Tư tại Bản tự khai ngày 25/9/2007 như trên phù hợp với kết quả xác minh tại Biên bản làm việc V/v xác minh tranh chấp ngày 17/8/2017 và ngày 18/8/2017 của UBND xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định ông Tư là con của Ông Ch và bà Nh. Ông Tư đã chết năm 1967, có 01 người con là ông Trương Văn Đ1.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị B cũng thừa nhận ông Trương Anh T3 (nay là Trương Văn Đ1) là con ruột ông Trương Văn T1 và là cháu nội của ông Trương Văn Ch. Ông Trương Văn Đ1 đã cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Đ1 trước đây có tên là Trương Anh T3 và là con của ông Tư.

[1.4] Hơn nữa, tại Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 01/7/2014 của bà Mã Thị C, Công an huyện NB có xác nhận: Qua đối chiếu tàng thư hộ khẩu xác nhận bà Mã Thị C có tên trong Tờ khai gia đình chế độ cũ 1970 + Hộ khẩu thường trú NKH/1977, NKH/1982 gốc đăng ký 01/01/1977 (BL 381). Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 01/7/2014 của bà Mã Thị C do phía nguyên đơn nộp để chứng minh bà C là con Ông Ch, và có nộp kèm theo Tờ khai gia đình năm 1974 của ông Trương Văn Ch và Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ ngoại thành ngày 01/01/1977. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà C là con Ông Ch và bà Nh. Tuy nhiên, qua xem xét Tờ khai gia đình năm 1974 của ông Trương Văn Ch còn có nội dung thể hiện ông Trương Anh T3 là con ông Trương Văn T1 và cháu ông Trương Văn Ch và tại Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ ngoại thành ngày 01/01/1977 cũng thể hiện ông Trương Văn Đ1 là cháu nội của chủ hộ ông Trương Văn Ch.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định, theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của Ông Ch và bà

Nh gồm 03 người là: Ông Trương Văn B1, ông Trương Văn T1 và bà Mã Thị C. Vì thế, những người thừa kế di sản của Ông Ch gồm: Các đồng thừa kế của ông Trương Văn B1, người thừa kế của ông Trương Văn T1 và bà Mã Thị C. Tòa án cấp sơ thẩm không thừa nhận ông Trương Văn T1 là con của Ông Ch và bà Nh nên không giải quyết cho ông Trương Anh T3 (nay là Trương Văn Đ1) được hưởng di sản thừa kế của Ông Ch và bà Nh là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không đúng quy định pháp luật.

[2] *Về việc xác định di sản thừa kế của ông Trương Văn Ch và bà Mã Thị Nh.*

Theo Công văn số 151/UBND ngày 29/10/2009, UBND xã PX, huyện NB xác định: “*Căn nhà số 15/1, ấp 1, xã PX, huyện NB của ông Trương Văn Ch đứng tên sở hữu từ trước năm 1975 đến năm 1998 Ông Ch chết, bà Phạm Thị B đứng tên kê khai từ năm 1999 đến nay, hiện gia đình bà B đang sử dụng*”.

Theo Bản sao y sổ mục kê thể hiện ông Trương Văn Ch đăng ký kê khai 108m² thửa 544 tờ bản đồ số 2 ấp 1. Theo Biên bản xác minh ngày 16/12/2003 có nội dung “*Nguồn gốc phần đất này theo Sổ bộ tại UB xã PX do ông Trương Văn Ch kê khai với diện tích 108m² diện tích này do đương sự tự kê khai tại thửa số 544 tờ 2 xã PX theo Chỉ thị số 299/TTg tại Trang 139, Quyển số 1*”.

Theo Đơn tường trình của ông Trương Văn Ch được UBND xã PX, huyện NB xác nhận ngày 27/12/1993 thì căn nhà 15/1 là của Ông Ch được làm bằng vật liệu nhẹ. Theo lời thừa nhận của các đương sự thì bà B đã dỡ bỏ căn nhà này và xây dựng mới.

Theo Bản vẽ hiện trạng do công ty Kiến Ốc lập ngày 10/5/2007 thì nhà số 15/1, ấp 1, xã PX, huyện NB tọa lạc trên phần đất gồm các thửa: 283, 284, 333, 334, 335, 336, 337 và rạch. Thửa 333 có diện tích 377.42m²; thửa 334 có diện tích là 91,78m²; diện tích đã đền bù mở rộng đường là 34.2m².

Tuy nhiên, theo Công văn số 2309/CV-CNNB ngày 20/12/2018, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện NB xác định: Ông Trương Văn Ch chưa đăng ký kê khai thửa đất số 333, 334 tờ bản đồ số 07 (theo tài liệu 02/CT-UB).

Trong khi đó, tại Công văn số 1707/CV-CNNBV ngày 30/8/2018, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện NB xác định: “*Thửa đất số 333, 334 tờ bản đồ số 07 xã PX đã được UBND huyện NB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị B*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cho rằng phần diện tích đất tăng thêm như trên là do phía bị đơn khai phá. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đủ chứng cứ làm rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng và những căn cứ để UBND huyện NB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà B đối với thửa đất số 333, 334 tờ bản đồ số 07 (theo tài liệu 02/CT-UB), là thiếu sót, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Qua đó xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ phần đất tại số 15/1 (nay là số 520 NB) ấp 1, xã PX, huyện NB theo Bản vẽ hiện trạng do công ty Kiến Ốc lập ngày 10/5/2007 là di sản thừa kế của Ông Ch và bà Nh để lại là chưa đủ căn cứ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[3] Thêm nữa, trong vụ án này, nguyên đơn còn có yêu cầu chia số tiền 13.183.500 đồng do giải tỏa 1 phần nhà tại số 15/1, ấp 1, xã PX theo Biên bản hiệp thương đền bù. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn v/v xin chia số tiền giải tỏa 13.183.500 đồng. Tuy nhiên tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại không tuyên xử về phần này là giải quyết không đầy đủ yêu cầu của nguyên đơn, vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa chấp nhận Quyết định kháng nghị số 1346/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị B và chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Mã Thị C, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Những ý kiến, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đương sự có kháng cáo là nguyên đơn bà Mã Thị C và bị đơn bà Phạm Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ vào khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của nguyên đơn bà Mã Thị C đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền 13.183.500 đồng đền bù giải tỏa một phần nhà đất tại số 15/1 Ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2- Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 1346/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị B và chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Mã Thị C.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Mã Thị C và bị đơn bà Phạm Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 27 tháng 7 năm 2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu (25b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh